

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN M  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **06/2020/HNGĐ-ST**

Ngày **05-02-2020**

V/v Ly hôn, chia tài sản khi ly  
hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Huỳnh Việt Hằng.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông **Trần Công Đăng;**

**Bà Nguyễn Bé Bảy.**

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Dương Như Ý**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Cà Mau.

Ngày **05 tháng 02 năm 2020** tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 280/2019/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2019 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2020 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Võ Mộng N, sinh năm: 1994 (có mặt).

HKTT: Ấp A, xã P, huyện M, tỉnh Cà Mau.

Địa chỉ hiện nay: Ấp 6, xã P, huyện M, tỉnh Cà Mau.

**- Bị đơn:** Anh Nguyễn Hoàng R, sinh năm: 1980 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã P, huyện M, tỉnh Cà Mau.

**- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:** Bà Nguyễn Mỹ A, sinh năm: 1972 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã P, huyện M, tỉnh Cà Mau.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**-** Tại đơn khởi kiện ngày 16 tháng 09 năm 2019, các lời trình bày trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Võ Mộng N trình bày:

Năm 2015 được sự đồng ý của gia đình hai bên nên chị và anh Nguyễn Hoàng R tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện M. Sau khi cưới do vợ chồng tính tình không hợp nhau nên luôn xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng luôn bất đồng quan điểm trong lối

sống và sinh hoạt hàng ngày, vợ chồng không có sự nhường nhịn với nhau. Anh R thường xuyên kiểm chuyện cự cãi, chửi mắng xô đuổi chị. Xét thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên chị Võ Mộng N yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Hoàng R.

Về con chung: quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng Phước L, sinh ngày 16/02/2019, hiện do chị nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị yêu cầu được quyền nuôi con yêu cầu anh R cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.200.000 đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: không có. Đối với nợ của bà A chị không biết nên không đồng ý trả theo yêu cầu của anh R và bà A.

Về tài sản riêng: Khi về chung sống với anh R mẹ chị N có cho một chiếc xe Sirius, sau đó chị đã cầm chiếc xe này lấy số tiền 12.000.000 đồng để đưa anh R mua chiếc xe hiệu Airblade biển số kiểm soát 69H1-187.44, xe do anh R quản lý, chị yêu cầu đổi với xe này, chỉ yêu cầu anh R trả lại cho chị số tiền 12.000.000 đồng. Chị đồng ý trả lại cho anh R xe ZUZUKI VIVA biển kiểm soát 69-H1 074.69 hiện đang quản lý.

Về số tiền 20.000.000 đồng chị có nhờ anh R vay dùm 20.000.000 đồng nhưng chị chỉ nhận 8.000.000 đồng, còn lại 12.000.000 đồng anh R giữ lại để chi xài trong lúc hai người quen nhau, chị đã trả hàng tháng 500.000 đồng cho anh R nên không đồng ý trả lại cho anh R số tiền này.

- Quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Hoàng R trình bày:

Về hôn nhân, anh với chị N chung sống và kết hôn năm 2015. Quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn, chị N yêu cầu ly hôn anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng Phước L, sinh ngày 16/02/2019, hiện do chị N nuôi dưỡng, do con chưa đủ 36 tháng tuổi nên anh đồng ý giao con cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng, anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo mức của pháp luật quy định.

Về tài sản chung: không có. Về nợ chung: Nợ bà Nguyễn Mỹ A tổng số 40.000.000 đồng và 2 chỉ vàng 24K. Số tiền này anh đưa chị N nhiều lần để chị N cho người khác vay, trị bệnh cho mẹ vợ, trả nợ hụi, anh R yêu cầu chia nợ theo quy định của pháp luật.

Đối với số tiền chị N yêu cầu anh trả 12.000.000 đồng, do không có giấy tờ thể hiện việc anh chuộc cà vẹt xe 3.000.000 đồng nên anh đồng ý trả lại cho chị N 12.000.000 đồng.

Về tài sản riêng: Vào ngày 15/10/2015 chị N có vay anh số tiền 20.000.000 đồng đến nay chưa trả, anh yêu cầu chị N trả cho anh số tiền này.

Hiện nay chị N đang quản lý chiếc xe mô tô hiệu ZUZUKI VIVA biển kiểm soát 69-H1 074.69 do anh đứng tên nên anh yêu cầu chị N trả lại cho anh chiếc xe trên.

- Tại tòa trình ngày 28/11/2019, các lời trình bày trong quá trình tố tụng và tại

phiên tòa, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Mỹ A trình bày: Năm 2016, bà cho chị N mượn 02 chỉ vàng 24K. Sau đó, chị có cho Rol mượn nhiều lần tổng cộng 40.000.000 đồng, Rol mượn để bị bệnh cho con và nói để làm ăn. Rol có thừa nhận nợ và đồng ý trả nên yêu cầu Nghi, Rol cùng trả cho chị số nợ trên.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa chị Võ Mộng N và anh Nguyễn Hoàng R được xác định là tranh chấp hôn nhân gia đình về việc ly hôn, chia tài sản khi ly hôn và thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Chị Võ Mộng N và anh Nguyễn Hoàng R tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2015, có đăng ký kết hôn theo quy định nên quan hệ hôn nhân của chị Võ Mộng N và anh Nguyễn Hoàng R là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống giữa vợ chồng chị Võ Mộng N và anh Nguyễn Hoàng R xảy ra mâu thuẫn, không thể hàn gắn chị N yêu cầu ly hôn với anh R, anh R đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị N, cho thấy quá trình chung sống vợ chồng chị N và anh R xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, không thể tiếp cuộc sống vợ chồng nên chấp nhận việc ly hôn giữa chị Võ Mộng N với anh Nguyễn Hoàng R.

- Về con chung: tên Nguyễn Hoàng Phước L, sinh ngày 16/02/2019, hiện do chị N nuôi dưỡng. Đối với con chung anh R đồng ý giao cho chị N nuôi sau khi ly hôn. Xét thấy, con chung của chị N và anh R chưa đủ 36 tháng tuổi, chị N hiện đang nuôi con, việc chị N và anh R thống nhất giao con cho chị N nuôi sau khi ly hôn là phù hợp với quy định của pháp luật nên giao con chung tên Nguyễn Hoàng Phước L, sinh ngày 16/02/2019 cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng. Anh R có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị N yêu cầu anh R cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.200.000 đồng. Xét thấy, anh R không trực tiếp nuôi con nên có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo định tại Điều 110 của Luật Hôn nhân và gia đình. Về mức cấp dưỡng xét thấy anh R có nghề nghiệp thu nhập ổn định nhưng mức cấp dưỡng chị N yêu cầu là cao nên cần điều chỉnh, do đó, buộc anh R cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 800.000 đồng là phù hợp, cấp dưỡng hàng tháng, cấp dưỡng kể từ ngày tuyên án cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền nêu trên thì người phải thi hành án còn phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

- Về tài sản chung: Chị N, anh R xác định không có.

Nợ chung: Đối với nợ bà Nguyễn Mỹ A mà anh R trình bày, bà Mỹ An cũng yêu cầu chị N và anh R trả tiền 40.000.000 đồng và 02 chỉ vàng 24K. Chị N không thừa nhận có mượn 2 chỉ vàng 24K và tiền như trình bày. Ngoài lời thừa nhận của anh R, lời trình bày của bà A thì không có tài liệu gì chứng minh việc chị N cùng có nợ mượn tiền và vàng như anh R, bà A trình bày nên anh R yêu cầu chia nợ

chung là không có căn cứ chấp nhận. Bà Mỹ An có yêu cầu trả tiền và vàng nhưng không nộp tiền tạm ứng án phí nên không xem xét yêu cầu của bà Mỹ An đối với việc trả tiền và vàng. Nếu có tranh chấp thì bà A có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác.

- Đối với yêu cầu trả số tiền 20.000.000 đồng của anh R ngày 15/10/2015, chị N thừa nhận nhưng cho rằng đã trả hàng tháng cho anh R, anh R không thừa nhận, chị N không có tài liệu chứng cứ thể hiện đã trả số tiền này nên buộc chị N phải trả cho anh R số tiền 20.000.000 đồng đã vay.

- Đối với yêu cầu của chị N về việc trả số tiền 12.000.000 đồng, tại phiên tòa anh R đồng ý trả cho chị N nên ghi nhận việc anh R trả cho chị N số tiền 12.000.000 đồng.

Đối với nghĩa vụ trả tiền, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền nêu trên thì người phải thi hành án còn phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357 luật dân sự.

Đối với xe ZUZUKI VIVA biển kiểm soát 69-H1 074.69 do anh R đứng tên, chị N thừa nhận đang quản lý và đồng ý trả cho anh R nên ghi nhận việc tự nguyện của chị N trả cho anh R xe ZUZUKI VIVA biển kiểm soát 69-H1 074.69.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm chị Võ Mộng N phải chịu 300.000 đồng, chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ phải trả nợ cho anh R là 1.000.000 đồng, tổng cộng án phí phải nộp là 1.300.000 đồng.

Anh Nguyễn Hoàng R phải chịu án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng 300.000 đồng. Án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ trả tiền anh R phải chịu là 600.000 đồng. Tổng cộng án phí phải nộp là 900.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 110, 116 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Mộng N được ly hôn với anh Nguyễn Hoàng R.

- Về con chung: Giao chung tên Nguyễn Hoàng Phước L, sinh ngày 16/02/2019 cho chị Võ Mộng N tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Hoàng R có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Buộc anh Nguyễn Hoàng R có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung tên Nguyễn Hoàng Phước L, sinh ngày 16/02/2019 cho chị Võ Mộng N mỗi tháng 800.000 (Tám trăm ngàn) đồng, cấp dưỡng hàng tháng, cấp dưỡng kể từ ngày tuyên án cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

- Tài sản chung: Chị N, anh R xác định không có. Nợ chung: Không chấp nhận yêu cầu chia nợ chung của anh Nguyễn Hoàng R đối với chị Võ Mộng N. Không đặt ra xem xét yêu cầu của bà Nguyễn Mỹ A đối với anh R và chị N về việc trả 40.000.000 đồng và 02 chỉ vàng 24K.

- Buộc chị Võ Mộng N trả cho anh Nguyễn Hoàng R số tiền 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng; Anh Nguyễn Hoàng R trả chị Nguyễn Mộng Nghi số tiền 12.000.000 (Mười hai triệu) đồng; Chị Nguyễn Mộng Nghi trả cho anh Nguyễn Hoàng R xe ZUZUKI VIVA biển kiểm soát 69-H1 074.69.

Đối với nghĩa vụ trả tiền và nghĩa vụ cấp dưỡng, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền nêu trên thì người phải thi hành án còn phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

- Án phí dân sự sơ thẩm chị Võ Mộng N phải chịu tổng cộng là 1.300.000 đồng, chị Võ Mộng N đã nộp tạm ứng án phí số tiền 600.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Cà Mau theo biên lai thu số **0004606 ngày 25/9/2019 được đối trừ chuyên thu án phí, chị Võ Mộng N phải nộp tiếp án phí là 700.000 (Bảy trăm ngàn) đồng.**

Anh Nguyễn Hoàng R phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tổng cộng 900.000 đồng. Anh R đã nộp tạm ứng án phí số tiền 500.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Cà Mau theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004637 ngày 16/10/2019 chuyển thu án phí, anh R phải nộp tiếp án phí số tiền 400.000 (Bốn trăm ngàn) đồng.

- Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- Các đương sự;
- UBND nơi thực hiện đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Huỳnh Việt Hằng**